

Số: /QĐ-BNN-CĐS

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng, và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2023”

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-BNN-TCCB ngày 1/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCD&S ngày 04/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp - Tổ trưởng Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Trung tâm CD&S và TKNN (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CĐS ngày tháng 4 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đẩy mạnh chuyển đổi số thực chất, hiệu quả, tiết kiệm, gắn với kêu gọi sự hỗ trợ, tư vấn, đồng hành của các doanh nghiệp, hiệp hội công nghệ thông tin chuyên nghiệp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp từ trung ương đến địa phương.

b) Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn góp phần xây dựng giá trị văn hoá làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo dựa trên tinh thần hợp tác, chia sẻ, tôn trọng, cộng đồng trách nhiệm trong một đơn vị và giữa các đơn vị với nhau.

c) Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2023

2. Yêu cầu

a) Cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023. Với chủ đề năm 2023 là dữ liệu số, các đơn vị thuộc Bộ tập trung đột phá việc rà soát, sắp xếp, số hóa hồ sơ quy trình chuyên môn nghiệp vụ, phát triển CSDL chuyên ngành, phục vụ tích hợp dữ liệu lớn thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý, tham mưu; lựa chọn ít nhất từ 1 - 2 nội dung trọng điểm, hoạt động chuyển đổi số thiết thực, khả thi trong từng chuyên ngành để triển khai có kết quả trong năm 2023.

c) Xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện của Thủ trưởng đơn vị trong chuyển đổi số của đơn vị; đôn đốc, giám sát đối với

Người đứng đầu đơn vị nhằm đảm bảo hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023).

II - MỤC TIÊU CỤ THỂ

Năm 2023 là năm Dữ liệu số quốc gia, tập trung vào thực hiện một số chỉ số quan trọng cụ thể như sau:

1. Dữ liệu số

- Hoàn thành ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.

- 30% đơn vị thuộc Bộ triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp chuyên ngành.

- 80% đơn vị chuyên ngành triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức phục vụ công tác lưu trữ và quản lý.

2. Chính phủ số

- 70% dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần triển khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm đảm bảo tính minh bạch và sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân.

- Thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với một số dịch vụ công theo đúng quy định.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.

- Trên 50% cán bộ, công chức, viên chức quản lý được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số theo Bộ Chỉ số chuyển đổi số cấp Bộ ngành (DTI) năm 2023 .

3. Kinh tế nông nghiệp số

- Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp, người dân tham gia các hoạt động trong nông nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp; quản lý, giám sát nguồn gốc; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp.

- Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối; chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong Bộ.

4. Xã hội số

Khuyến khích các hoạt động ứng dụng các công nghệ số như cảm biến, IoT, trí tuệ nhân tạo và khai thác dữ liệu để theo dõi các thông số đất đai, thời tiết, v.v... nhằm tăng năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

5. An toàn, an ninh mạng

Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp: 100% máy chủ, máy trạm của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; 100% hệ thống thông tin quan trọng của Bộ được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin.

III - NHIỆM VỤ (Danh mục nhiệm vụ trọng tâm đính kèm Kế hoạch)

1. Nhận thức số

1.1 Chuyển đổi số phải gắn trực tiếp với tư duy nhận thức, vai trò trách nhiệm, quyền hạn của Thủ trưởng, người đứng đầu đơn vị. Người đứng đầu đơn vị phải “truyền lửa” đến tất cả mọi cán bộ hiểu được tầm quan trọng của chuyển đổi số của Ngành, của đơn vị, đồng thời phải là người đầu tiên tuyệt đối tuân thủ quy trình chuyển đổi số của đơn vị để làm gương cho cấp dưới. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp chỉ đạo triển khai lộ trình chuyển đổi số, chính là việc tổ chức dẫn dắt toàn thể đơn vị từng bước chuyển đổi hệ thống từ phương thức hoạt động cũ sang cách vận hành mới, cải cách hành chính thực chất, nâng cao năng suất, chất lượng công việc.

1.2 Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Ngày Chuyển đổi số quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ (ngày 10/10/2023); tổ chức các hoạt động thiết thực hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp (ngày 19/8/2023).

1.3 Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm theo các chuyên đề khác nhau về chuyển đổi số trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.4 Xây dựng kênh thông tin về chuyển đổi số của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham vấn ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong triển khai chuyển đổi số tại Bộ và các đơn vị.

1.5 Các đơn vị trực thuộc Bộ đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số nông nghiệp trên các môi trường mạng; xây dựng các chương trình, chuyên đề, tăng cường tin bài trên chuyên mục “Chuyển đổi số” tại Cổng thông tin điện tử của Bộ và các Trang thông tin điện tử của đơn vị.

2. Thể chế số

Các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của từng đơn vị, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hướng dẫn của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông; Rà soát pháp luật về chuyển đổi số trong các lĩnh vực chuyên ngành của Bộ

3. Hạ tầng số

3.1. Triển khai có hiệu quả, đồng bộ việc đầu tư hạ tầng CNTT của Bộ thuộc Dự án “Xây dựng Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số của Bộ giai đoạn 2021-2025” nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu chuyển đổi số tại Bộ.

3.2. Hoàn thiện quy hoạch, triển khai kết nối mạng giữa trụ sở chính của Bộ tại số 2 Ngọc Hà, số 10 Nguyễn Công Hoan và số 16 Thụy Khuê tạo thành mạng chung, diện rộng của Bộ để thống nhất về mặt kết nối kỹ thuật.

3.3. Nghiên cứu giải pháp xây dựng, vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC); hệ thống giám sát, điều hành thông minh (IOC) kết nối với Hệ thống chỉ đạo, điều hành quốc gia.

4. Dữ liệu số

4.1. Tập trung số hóa hồ sơ dữ liệu, phát triển, làm giàu dữ liệu số chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, kiểm ngư, kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y, thủy lợi, phòng chống thiên tai, kinh tế hợp tác, phát triển nông thôn, quản lý chất lượng, chế biến, thị trường nông sản, khuyến nông.v.v...); bảo đảm mục tiêu chất lượng dữ liệu (đúng, đủ, sống, sạch) phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu người dân, doanh nghiệp.

4.2. Nghiên cứu, xây dựng nền tảng dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao theo quy định của pháp luật để phục vụ chuyển đổi số toàn diện theo lộ trình trong phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.3. Nghiên cứu xây dựng ban hành Kiến trúc dữ liệu nền tảng số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Bộ nhằm hệ thống, chuẩn hóa dữ liệu.

5. Nền tảng số

5.1. Nghiên cứu xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm chia sẻ thông tin, dữ liệu để cùng khai thác, sử dụng.

5.2. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng nền tảng dữ liệu số, dịch vụ vận hành các hệ thống nền tảng dùng chung phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số của Bộ và Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hướng xã hội hóa.

6. Nhân lực số

6.1. Kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ về công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại từng đơn vị thuộc Bộ nhằm đảm bảo nguồn nhân lực số đáp ứng nhu cầu phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

6.2. Xây dựng kế hoạch triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022- 2025.

6.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng làm việc trong môi trường số; đào tạo nâng cao nhận thức, trình độ về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp lý bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng theo các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an.

7.2. Duy trì bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình "4 lớp" và theo công văn hướng dẫn 1552/BTTTT-CATTT ngày 28/4/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đôn đốc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp.

7.3. Về công tác quản lý an toàn thông tin theo cấp độ:

Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ chỉ đạo rà soát, hoàn thiện việc lập, phê duyệt hồ sơ cấp độ và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/04/2022 về phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Hướng dẫn số 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023;

7.4. Về công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát an toàn, an ninh thông tin:

- Giám sát an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin của Bộ được thực hiện thường xuyên, liên tục; phát hiện và xử lý kịp thời các lỗ hổng, nguy cơ mất an toàn và các cuộc tấn công mạng, không để xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu về mã độc, giám sát với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh và bảo mật thông tin đối với các hệ thống thông tin của Bộ, đối với các hệ thống thông tin quan trọng, để bảo đảm an toàn thông tin theo 4 lớp.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan của Bộ Công an để triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030, trong đó tiếp tục đánh giá an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin kết nối vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.5. Về công tác phòng, chống phần mềm độc hại:

- Rà soát, cập nhật bản vá lỗi hệ thống cho máy chủ và máy trạm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cài đặt các phần mềm phòng chống phần mềm độc hại, qua đó kịp thời phát hiện và xử lý các phần mềm độc hại, tránh phát tán, lây lan và tấn công từ bên trong.

- Tổ chức khắc phục điểm yếu, phòng chống, gỡ bỏ (nếu có) mã độc cho các máy máy chủ và máy tính cá nhân tại các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ khắc phục các điểm yếu, gỡ bỏ các mã độc cho các máy tính của các đơn vị (nếu có).

7.6. Về công tác ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng:

- Đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hoạt động ứng cứu sự cố của Đội ứng cứu sự cố và bảo đảm an toàn thông tin tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 5135/QĐ-BNN-TH ngày 30/12/2022 về việc Thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tổ chức diễn tập thực chiến nhằm ứng cứu sự cố để tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin tại Bộ.

8. Chính phủ số

- Ban hành, triển khai hiệu quả Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số áp dụng cho các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (DTI) năm 2023.

- Tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; đồng bộ trạng thái hồ TTHC theo quy định Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng. Nghiên cứu hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ, tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ thống nhất.

- Triển khai có hiệu quả, đồng bộ việc đầu tư hạ tầng CNTT của Bộ thuộc Dự án “Xây dựng Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số của Bộ giai đoạn 2021-2025”.

9. Kinh tế nông nghiệp số

- Xây dựng thí điểm 02-03 mô hình mẫu về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh tại một số địa phương trọng điểm.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy hợp tác công tư, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, thúc đẩy dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế số nông nghiệp.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất tiêu thụ nông sản, phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông thôn trên nền tảng số, thông qua các sàn thương mại điện tử và thanh toán trực tuyến.

10. Xã hội số, nông dân số

- Tuyên truyền, phổ biến, truyền thông chính sách trên các nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Phối hợp với địa phương xây dựng công cụ số phục vụ công tác quản lý ngành nông nghiệp.

- Khảo sát một số mô hình chuyển đổi số có hiệu quả trong quản lý, nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp tại các địa phương và các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Triển khai một số mô hình thí điểm phục vụ nông dân, nông thôn: như mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử, câu lạc bộ cộng đồng “Kết nối chuyển đổi số”, “Mạng nhà nông”...

IV - KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo

- Chỉ đạo, điều phối các đơn vị thuộc Bộ để triển khai thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Kế hoạch;

- Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập, chia sẻ kinh nghiệm các mô hình chuyển đổi số có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu triển khai các nhiệm vụ cụ thể được phân công trong Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo tại các phiên họp Ban Chỉ đạo.

- Chủ trì triển khai Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số áp dụng cho các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (DTI) năm 2023 đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ trong việc xây dựng, thẩm định, trình Bộ phê duyệt thực hiện các dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ; kiểm tra và thực hiện dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

4. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính

- Thẩm định, trình Bộ bố trí kinh phí theo quy định để các đơn vị triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

5. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm trực tiếp xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và chỉ đạo các hoạt động chuyển đổi số trong phạm vi quản lý của cơ quan đơn vị theo đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng – Trưởng Ban Chỉ đạo về việc tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ được giao, báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Phân công nhân lực chuyên trách thực hiện chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính thực chất, hiệu quả trong từng cơ quan, đơn vị; báo cáo Ban Chỉ đạo (thông qua Cơ quan thường trực) định kỳ theo tháng, quý và đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch theo theo hướng dẫn và yêu cầu của Ban Chỉ đạo./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN